TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Dân
2. Bà Mai Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 136/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hoàng Tố U, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: Tổ X, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú hiện nay: Tổ Y, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ X, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19-3-2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Tố U trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Tố U và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh T sinh ra nhậu nhẹt, không chí thú làm ăn, không chăm lo gia đình, chị nhiều lần góp ý thì anh T đánh chửi chị. Vào tháng 11-2016, chị và anh T ly thân do khi vợ chồng cự cãi anh T cầm dao rượt chém chị U nhưng chị chạy trốn được mới không có thương tích. Trong thời gian

ly thân anh chị không liên lạc với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21-5-2013. Hiện nay cháu K do anh T đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị U đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị U không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi các thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp cho anh T nhưng anh T không đến và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị U có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ngày 02-8-2018, Công an xã B, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị U và anh T có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy đăng ký kết hôn số 45 ngày 17-7-2012. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều

kiện cho chị U và anh T được đoàn tụ, nhưng chị U cương quyết ly hôn, anh T không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị U, anh chị đã ly thân trong một khoảng thời gian dài nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải được xây dựng dựa trên cơ sở tình cảm của cả hai vợ chồng thì đời sống hôn nhân mới thật sự hạnh phúc, trong khi đó chị U cương quyết ly hôn và xác định không còn tình cảm với anh T. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Toản.

2.2 Về con chung: Chị U và anh T có một con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21-5-2013, hiện nay cháu K đang sống với anh T. Tại biên bản xác minh ngày 02-8-2018, ông Nguyễn Văn T – trưởng ấp T – cho biết *"Hiện nay cháu do anh T và gia đình đang nuôi dưỡng, điều kiện sống của cháu tốt, cha và ông bà nội thương yêu cháu, cháu sóc đầy đủ. Hiện nay cháu đang đi học lớp mẫu giáo nhỏ trường mẫu giáo B"* . Ngoài ra, chị U đồng ý giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi con. Để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu K, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U trình bày không cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không có ý kiến trình bày. Nhận thấy, trong thời gian nuôi con, anh T vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do đó việc không buộc chị U không cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu K và anh T, nên Hội đồng xét xử không buộc chị U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị U và anh T phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị U trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị U là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Tố U.

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Tố U được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 21-5-2013. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con. Chị Hoàng Tố U không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Tố U phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003404 ngày 03-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Tố U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26-9-2018). Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao